

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19 /2023/HS-ST

Ngày 30/6/2023.

**NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Chí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Đức Trưởng và ông Nguyễn Đức Nghị.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P tham gian phiên tòa: Ông Hà Trọng Thực - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P xét xử sơ thẩm, **C** khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2023/TLST- HS ngày 12 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST- HS ngày 19 tháng 3 năm 2023 đối với các Bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Minh C (tên gọi khác: Không);

Sinh ngày 12 tháng 12 năm 1976, tại huyện T, tỉnh P;

Nơi cư trú: Khu Dặt, xã **Th**, huyện T, tỉnh P;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Mường;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Trần Đức D (đã chết) và bà: Phùng Thị Đ (đã chết).

Vợ: Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1984; Con: Có 03 con (lớn sinh năm: 1997, nhỏ sinh năm: 2014).

Tiền án/tiền sự: Không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho Bị cáo C: Ông Lã Thành **C** – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P (có mặt).

2. Họ và tên: Hà Minh Đ (tên gọi khác: không)

Sinh ngày 12 tháng 02 năm 1993, tại huyện T, tỉnh P;

Nơi cư trú: Khu 2B, xã **T**, huyện T, tỉnh P;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Mường;
Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;
Con ông: Hà Văn Ng, sinh năm 1954 và bà: Hà Thị K (đã chết);
Vợ: Hà Thị Th, sinh năm 1996; Con: Có 01 con sinh năm 2022;
Tiền án/tiền sự: Không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.
Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi
cư trú tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho Bị cáo C: Bà Đinh Thị Hạnh – Trợ giúp viên pháp lý
thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P (có mặt).

3.Họ và tên: Phùng Văn A (tên gọi khác: không)

Sinh ngày 29 tháng 4 năm 1986, tại huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái;

Nơi cư trú: Khu Liên Minh, xã **Th**, huyện T, tỉnh P;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Tày;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Phùng Văn Th (đã chết) và bà: Chu Thị S, sinh năm 1958;

Vợ: Trần Thị Thu H, sinh năm 1988; Con: Có 02 con (lớn sinh năm: 2013, nhỏ
sinh năm: 2015).

Tiền án/tiền sự: Không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi
cư trú tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho Bị cáo C: Ông Bùi Đức Dũng – Trợ giúp viên pháp lý
thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P (có mặt).

4.Họ và tên: Hà Đức Th (tên gọi khác: không)

Sinh ngày 28 tháng 12 năm 1991, tại huyện T, tỉnh P;

Nơi cư trú: Khu Dặt, xã **Th**, huyện T, tỉnh P;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Mường;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Hà Hữu T (đã chết) và bà: Đinh Thị Nh, sinh năm 1968;

Vợ: Hà Thị H, sinh năm 1982 (đã ly hôn); Con: Chưa.

Tiền án/tiền sự: Không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi
cư trú tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho Bị cáo C: Ông Lê Thành C – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của các Bị cáo:

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 26/3/2023, Hà Đức **Th**, cùng Hà Minh **Đ**, đến nhà riêng Trần Minh **C** ăn cơm, sau khi ăn uống xong cả ba ngồi uống nước tại phòng khách đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày Phùng Văn **A**, cũng đến nhà **C** chơi. Quá trình nói chuyện các đối tượng rủ nhau đánh bài “Ba cây” được thua bằng tiền, tất cả đều đồng ý. Sau đó, các đối tượng ngồi trên chiếc phản gỗ tại gian phòng khách nhà Trần Minh **C** lúc này **Đ** lấy ra bộ bài tú lơ khơ đã chuẩn bị từ trước mang theo, bộ bài tú lơ khơ có 52 quân bài chỉ lấy 36 quân bài từ quân “A” đến quân “9” đủ 4 chất cơ, rô, bích, tép (còn lại bỏ các quân bài từ 10, J, Q, K).

Khi đánh bạc các đối tượng quy định với nhau về hình thức chơi bạc và cách thức thanh toán cụ thể như sau: Sử dụng 36 quân bài tú lơ khơ từ quân “A” đến quân 9. Khi chơi bạc ván đầu tiên một người cầm “Chương” chia lần lượt cho mỗi người chơi 03 quân bài bất kỳ, sau đó người chơi tự lên bài và cộng điểm các quân bài (riêng quân A có số điểm tính là 1 điểm), cộng tổng 03 quân bài nhưng lấy số hàng đơn vị làm điểm để phân biệt thắng thua. Nếu người chơi có điểm là 10 điểm cao nhất thì người được làm “Chương” và chia bài cho ván bạc tiếp theo. Trong mỗi ván bạc người chơi so sánh bài với người cầm “Chương” nếu người chơi cao điểm hơn là người thắng ván bạc và được nhận từ “Chương” số tiền 20.000đ; người chơi được “Mười” điểm thì nhận được số tiền nhân đôi là 40.000đ; người chơi được ván bạc “Sấp” (03 quân bài giống nhau) thì nhận được số tiền nhân ba là 60.000đ; người chơi được “Đồng hoa” (03 quân bài liên nhau, cùng chất) thì nhận được số tiền nhân bốn là 80.000đ. Ngược lại nếu người chơi có điểm thấp hơn hoặc người cầm “Chương” được “Mười” điểm, “Sấp”, “Đồng hoa” thì mất số tiền tương ứng cho người cầm “Chương” nếu có ván bạc người chơi bằng điểm với người cầm “Chương” thì tính theo chất, chất rô là cao nhất.

Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, thì bị Công an huyện T phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ tại vị trí các đối tượng đánh bạc số tiền 5.300.000đ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam và 36 quân bài tú lơ khơ và đưa các đối tượng về trụ sở Cơ quan điều tra Công an huyện T điều tra làm rõ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các Bị cáo đều đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

2. Các vấn đề khác:

Tại Cơ quan điều tra công an huyện T, các đối tượng đã khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc dưới hình thức chơi “Ba cây” được thua bằng tiền của mình như đã nêu trên, khi tham gia đánh bạc Trần Minh **C** có số tiền 600.000đ để đánh bạc khi bị bắt để tất số tiền dưới chiếu bạc không biết thắng hay thua; Hà Minh **Đ** mang theo số tiền 1.100.000đ để đánh bạc khi bị bắt số tiền để tất dưới chiếu bạc không biết thắng hay thua; Hà Đức **Th** mang theo số tiền 2.500.000đ để đánh bạc khi bị bắt số tiền để tất dưới chiếu bạc nên không biết thắng hay thua; Phùng Văn **A** mang theo số tiền 1.100.000đ để đánh bạc khi bị bắt số tiền để dưới chiếu bạc không biết thắng hay thua. Lời khai của các đối tượng phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng và các chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Ngày 31/3/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện T đã quyết định khởi tố vụ án hình sự; khởi tố bị can và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với: Trần Minh **C**, Hà Minh **Đ**, Hà Đức **Th**, Phùng Văn **A** về hành vi: “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Vật chứng vụ án: Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 5.300.000đ hiện đang gửi tại kho bạc nhà nước huyện T, tỉnh P; 36 quân bài tú lơ khơ hiện vật chứng đang tạm giữ tại kho vật chứng công an huyện T chờ xử lý.

3. Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Tại Bản cáo trạng số: 15/CT-VKS-TS ngày 09/6/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P đã truy tố các Bị cáo: Trần Minh **C**, Hà Minh **Đ**, Hà Đức **Th** và Phùng Văn **A** về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên Quyết Định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt: Trần Minh **C** từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt: Trần Minh **Đ** từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt: Hà Đức **Th** từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt: Phùng Văn **A** từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Bị cáo Trần Minh **C** và Hà Đức **Th** cho Ủy ban nhân dân xã **Th**, huyện T, tỉnh P để giám sát, giáo dục; Giao Bị cáo Hà Minh **Đ** cho UBND xã **T**, huyện T, tỉnh P để giám sát, giáo dục; Giao Bị cáo Phùng Văn **A** cho UBND xã **Th**, huyện T, tỉnh P để giám sát giáo dục. Gian đình Bị cáo **C**, **Th**, **Đ** và **A** có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các Bị cáo. Trường hợp các Bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các Bị cáo.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các Bị cáo Hà Minh **Đ**, Phùng Văn **A**, Trần Minh **C** và Hà Đức **Th** theo các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 13, 14, 15, 16 ngày 13/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền: 5.30.000đồng (năm triệu ba trăm nghìn đồng) là **C** cụ, phương tiện phạm tội.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 bộ bài Tú lơ khơ 36 quân.

4. Người bào chữa cho Bị cáo **C**, **Th**, **Đ** và **A**: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các Bị cáo như Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa và cho các Bị cáo hình phạt ở mức thấp theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

5. Các Bị cáo nói lời sau cùng: Các Bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các Bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện T, tỉnh P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các Bị cáo; người bào chữa cho các bị

cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác **Đ** có tội.

Tại phiên tòa hôm nay, các Bị cáo: Trần Minh **C**, Hà Minh **Đ**, Hà Đức **Th** và Phùng Văn **A** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu; thừa nhận Bản cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai. Lời khai của các Bị cáo thống nhất, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu được cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ của vụ án.

Như vậy đã xác **Đ** được: Vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 26/3/2023, tại nhà riêng của Trần Minh **C**, công an huyện T phát hiện bắt quả tang Trần Minh **C**, Hà Minh **Đ**, Hà Đức **Th**, Phùng Văn **A** có hành vi dùng bộ bài tú lơ khơ 36 quân từ quân “A” đến quân 9 để đánh bạc ăn tiền dưới hình thức chơi “Ba cây” tổng số tiền các bị can dùng vào đánh bạc phải chịu trách nhiệm hình sự là 5.300.000đ.

Các Bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc trong trạng thái tinh thần bình thường, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; các Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Từ các nhận **Đ** trên đã đủ cơ sở xác **Đ** hành vi của các Bị cáo có tên nêu trên thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Vụ án tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã có nhiều người tham gian đánh bạc được thua bằng tiền. Hành vi phạm tội của các Bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến trật tự, nếp sống văn minh của xã hội, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy cần được đưa ra xét xử nghiêm minh trước pháp luật để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về vai trò của các Bị cáo trong vụ án thấy rằng: Các Bị cáo đánh bạc nhiều người nhưng chỉ là do tự phát, không chuẩn bị phương tiện và phân C nhiệm vụ, cụ thể cho từng người nên không coi là phạm tội có tổ chức, chỉ là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, Bị cáo C dùng nhà ở của mình để cho các Bị cáo khác đánh bạc, bản thân Bị cáo cũng tham gian nên Bị cáo C giữ vai trò tích cực hơn, các Bị cáo còn lại có vai trò như nhau trong thực hiện tội phạm.

- *Về nhân thân các Bị cáo:* Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các Bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các Bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào được quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Các Bị cáo **C, Đ, Th, A** đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các Bị cáo đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đồng thời các Bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; có khả năng tự cải tạo nên không cần cách ly các Bị cáo khỏi xã hội mà cho Bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi để giáo dục Bị cáo là phù hợp với khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 và phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về Án treo và điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về Án treo.

- *Về hình phạt bổ sung:* Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 thì “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”.

Đối với các Bị cáo **C, Đ, Th, A**, theo kết quả xác minh về tài sản của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T thì thấy, các Bị cáo không có tài sản riêng gì có giá trị lớn; thu nhập không ổn định, và nhà đất là tài sản duy nhất được sử dụng chung trong gia đình. Do đó, cần miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các Bị cáo là phù hợp.

[4] Về xử lý vật chứng:

Số tiền 5.300.000đ (năm triệu ba trăm nghìn đồng), vật chứng thu được tại chiếu bạc là **C** cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

01 bộ bài Tú lơ khơ 36 quân thu tại nhà của Bị cáo **C**, là vật không có giá trị cần tịch thu để tiêu hủy.

[5] Về án phí: Bị cáo **C**, **Đ**, **Th** là đối tượng thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự theo quy định. Bị cáo **A** là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại khu đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên, Người bào chữa tại phiên tòa phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ kết tội:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các Bị cáo Trần Minh **C**, Hà Đức **Th**, Hà Minh **Đ** và Phùng Văn **A**.

Tuyên bố: Các Bị cáo Trần Minh **C**, Hà Đức **Th**, Hà Minh **Đ** và Phùng Văn **A** phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Trách nhiệm hình sự, hình phạt, biện pháp tư pháp:

- Xử phạt: Trần Minh **C** 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt: Hà Minh **Đ** 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt: Hà Đức **Th** 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt: Phùng Văn **A** 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các Bị cáo cho UBND các xã nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục. Gian đình các Bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các Bị cáo. Trường hợp các Bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Giao Bị cáo Trần Minh **C** và Hà Đức **Th** cho UBND xã **Th**, huyện T, tỉnh P để giám sát, giáo dục.

Giao Bị cáo Hà Minh **Đ** cho UBND xã **T**, huyện T, tỉnh P để giám sát, giáo dục.

Giao Bị cáo Phùng Văn **A** cho UBND xã **Th**, huyện T, tỉnh P để giám sát giáo dục.

Gian đình các Bị cáo **C**, **Th**, **Đ** và **A** có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các Bị cáo. Trường hợp các Bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các Bị cáo.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các Bị cáo Hà Minh **Đ**, Phùng Văn **A**, Trần Minh **C** và Hà Đức **Th** theo các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 13, 14, 15, 16 ngày 13/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

3. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 5.300.000 đồng (năm triệu ba trăm nghìn đồng) là **C** cụ, phương tiện phạm tội.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 bộ bài Tú lơ khơ 36 quân (thu tại nhà Bị cáo **C**).

Vật chứng đã được cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện T bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh P ngày 12/6/2023.

4. *Về án phí*: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các Bị cáo Trần Minh **C**, Hà Minh **Đ**, Phùng Văn **A** và Hà Đức **Th**.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh P xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh
- CQ CSĐT **CÔNG AN** huyện;
- CQ THA dân sự huyện;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND nơi các b/c thường trú;
- Những người tham gian tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Đinh Văn Chí